

Số: /BC-BCA

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Công an tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

a) Mục đích rà soát

- Rà soát, đánh giá các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến các nội dung trong dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) bảo đảm việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi; tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật; bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;

- Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa các quy định trong dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Hiến pháp, các bộ luật, luật và điều ước quốc tế có liên quan;

- Hạn chế các sai sót và khắc phục các khó khăn, vướng mắc và bất cập hiện tại trong hệ thống pháp luật có liên quan, góp phần phục vụ công tác bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng, bảo vệ lợi ích của Nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo vệ trật tự pháp luật; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

b) Yêu cầu rà soát

- Việc rà soát phải được tiến hành kỹ lưỡng, thận trọng, bảo đảm tính toàn diện, đầy đủ, có hệ thống đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, không bỏ sót các bộ luật, luật, điều ước quốc tế có liên quan;

- Phạm vi rà soát cần bám sát vào các nhóm vấn đề được quy định tại dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi);

- Kết quả rà soát phải cụ thể, rõ ràng, tổng hợp đầy đủ, phân tích, đánh giá đối với từng điều luật dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi).

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Về phạm vi rà soát: Gồm toàn bộ nội dung dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) và chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Hiến pháp, các bộ luật, luật và điều ước quốc tế có liên quan.

- Về nội dung rà soát: Đối chiếu, đánh giá các quy định tại dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) với quy định của Hiến pháp, chủ trương, đường lối của Đảng, các bộ luật, luật và điều ước quốc tế hiện hành bảo đảm tính hợp hiến, đồng bộ, thống nhất với các văn bản được rà soát, tránh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc khoảng trống pháp lý trong hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế.

- Về đối tượng rà soát: Các chủ trương, đường lối của Đảng (Nghị quyết của Bộ Chính trị, Văn kiện Đại hội Đảng, Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng,...); các văn bản quy phạm pháp luật (Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội,...); các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi)

Tổng số văn bản của Đảng có chủ trương, đường lối liên quan đến dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) đã được rà soát: 18 văn bản; trong đó, một số văn bản cụ thể như sau:

- Ngày 25/10/2017, Hội nghị Trung ương 6 khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “Tiếp tục nghiên cứu, từng bước sắp xếp thu gọn đầu mối cơ quan điều tra đáp ứng yêu cầu công tác điều tra hình sự, phòng, chống tội phạm và

phù hợp với tổ chức, hoạt động của viện kiểm sát nhân dân, toà án nhân dân theo tinh thần cải cách tư pháp”; Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thông qua chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy công an địa phương theo hướng “tinh toàn diện; xã vững mạnh, bám cơ sở”, không tổ chức công an cấp huyện; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, trong đó xác định nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy bên trong của Công an đơn vị, địa phương tinh, gọn, mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định nhiệm vụ xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự, trong đó cần *“Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao”*.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 60-NQ/TW) trong đó có nội dung chủ trương tổ chức chính quyền hai cấp, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện sau khi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 là *“Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị*

trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân”; nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hoà giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”.

- Đánh giá về sự phù hợp của dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi):

Các chủ trương, đường lối và định hướng của Đảng nêu trên đặt ra sự cần thiết phải nghiên cứu sửa toàn diện Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự nhằm thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; ghi nhận, tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong hoạt động điều tra hình sự. Hoàn thiện về cơ sở pháp lý để bảo đảm các điều kiện về tổ chức bộ máy, phân công thẩm quyền điều tra, bảo đảm chế độ, chính sách phục vụ tốt yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới. Bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy tập trung thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phân công, phân cấp rành mạch và được kiểm soát chặt chẽ; điều tra nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi)

a) Hiến pháp

+ Khoản 3 Điều 2 quy định “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”.

+ Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định “Viện kiểm sát nhân dân thực

hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp”.

Các nội dung trong dự án Luật đảm bảo tính hợp hiến, đảm bảo quy định tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị.

b) Các văn bản quy phạm pháp luật khác

Đã rà soát 31 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung của dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi), như: Bộ luật Hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật Công an nhân dân, Luật Biên phòng Việt Nam, Luật Cảnh sát Biển,...

Qua rà soát, các nội dung dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) được quy phạm hóa thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, cụ thể như sau:

- Tính đồng bộ, thống nhất: Các nội dung của dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) dự kiến sau khi được quy phạm hóa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành.

- Tính phù hợp, khả thi: Các nội dung của dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) dự kiến được quy phạm hóa cơ bản bảo đảm tính khả thi, phù hợp và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn hiện nay về phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Nội dung dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) sửa đổi các quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự hiện hành về những nội dung còn chưa thống nhất với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác, cụ thể như:

- + Đối với Bộ luật Tố tụng hình sự:

- (1) Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự quy định “Chỉ cơ quan, người có thẩm quyền quy định trong Luật này mới được tiến hành hoạt động điều tra” mâu thuẫn với BLTTHS về việc Kiểm sát viên trực tiếp tiến hành điều tra.

- (2) Người có thẩm quyền thuộc các cơ quan trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền thực hiện một số hoạt động điều tra theo quy định tại Điều 40 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (BLTTHS năm 2015) như triệu tập, lấy lời khai; khám xét, thu thập vật chứng; khám nghiệm hiện trường... Mặc dù BLTTHS năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục tiến hành từng hoạt động điều

tra này nhưng lại không đề cập đến chủ thể có thẩm quyền thuộc các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chỉ đề cập đến Điều tra viên là chủ thể chủ trì thực hiện các hoạt động như triệu tập đối tượng lấy lời khai (các điều 185, 188); thủ tục thông báo cho Kiểm sát viên trước khi tiến hành khám xét (khoản 3 Điều 193); trình tự, thủ tục thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông (Điều 197); thủ tục tạm giữ tài liệu, đồ vật khi khám xét (Điều 198); trình tự, thủ tục tiến hành khám nghiệm hiện trường (Điều 201).

(3) Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025) đã quy định Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát Bộ đội biên phòng là người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Nhưng Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự chưa có quy định cơ quan này là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

(4) Điều 41 Luật Tổ chức cơ quan ĐTHS và Điều 171 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về “ủy thác điều tra”, không nêu rõ quy trình thực hiện việc ủy thác của Cơ quan điều tra, như: Sau khi tiến hành điều tra theo ủy thác Cơ quan điều tra phải bàn giao tài liệu ủy thác và kết luận điều tra theo ủy thác hay thông báo kết quả điều tra theo ủy thác. Hiện nay chưa có hướng dẫn và biểu mẫu liên quan đến việc thông báo hoặc trả kết quả điều tra theo ủy thác, dẫn đến việc thực hiện chưa thống nhất trong thực tiễn thi hành pháp luật.

(5) Khoản 2 Điều 39 không quy định Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương có thẩm quyền “Khởi tố vụ án”; tuy nhiên, lại quy định phải “chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án” là mâu thuẫn với Bộ luật TTHS.

(6) Tại điểm b khoản 1 Điều 32 và điểm b khoản 1 Điều 35 quy định khi giải quyết các vụ tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của lực lượng Bộ đội biên phòng và lực lượng Cảnh sát biển được quyền trưng cầu giám định; tuy nhiên khoản 3, Điều 39 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đối với các tội phạm này lại không quy định người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của lực lượng Bộ đội biên phòng và lực lượng Cảnh sát biển có thẩm quyền trưng cầu giám định.

(7) Trong Luật Tổ chức CQĐTHS (sửa đổi, bổ sung năm 2021) chưa có quy định về tiêu chuẩn của cấp trưởng, cấp phó và Cán bộ điều tra thuộc các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nói chung, các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nói riêng. Đồng thời cũng chưa quy định cụ thể về tiêu chuẩn “thời gian làm công tác pháp luật” là bao lâu để làm điều kiện bổ nhiệm Cán bộ điều tra thuộc các Cơ quan điều tra.

(8) Điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Cơ quan ĐTHS quy định Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền trực tiếp tổ chức và chỉ đạo việc khám nghiệm hiện trường đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp tuy nhiên Bộ luật Tố tụng hình sự không quy định về thẩm quyền này.

(9) Điều 32 Luật Tổ chức Cơ quan ĐTHS quy định Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn tuy nhiên tại khoản 3 Điều 39 Bộ Tố tụng hình sự không quy định Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền này.

(10) Thời hạn quy định về hoạt động điều tra ban đầu là 07 ngày đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp... tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Tổ chức Cơ quan ĐTHS, quy định thời gian điều tra như vậy là rất ngắn do còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình điều tra, xác minh... Thực tế hoạt động phát hiện, chứng minh hành vi phạm tội trên biển của lực lượng CSB gặp rất nhiều khó khăn như: Có những vùng biển rất xa đất liền, sóng gió lớn, thông tin liên lạc không đảm bảo an toàn, việc khám xét trên tàu, thuyền mất rất nhiều thời gian.

(11) Theo quy định tại điểm a khoản 1 các điều 32, 33, 34, 35, 36 Luật Tổ chức Cơ quan ĐTHS thì cấp trưởng, cấp phó có thẩm quyền lấy lời khai nói chung. Tuy nhiên, theo điểm đ khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng hình sự, những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự có nhiệm vụ, quyền hạn: Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai bị hại, đương sự; triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị giác, kiến nghị khởi tố; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng; lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Quy định này chưa thống nhất, vì ngoài việc hỏi cung bị can và lấy lời khai của những người nêu trên, để phục vụ cho hoạt động tố tụng hình sự, cấp trưởng, cấp phó còn phải tiến hành lấy lời khai của người bị bắt, người bị tạm giữ.

(12) Hiện nay, Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về thẩm quyền xét xử Tòa án quân sự xét xử tất cả các tội phạm xảy ra trong địa bàn thiết quân luật,

Tuy nhiên, Luật Tổ chức Cơ quan ĐTHS chưa có quy định về thẩm quyền nay của Cơ quan điều tra trong Quân đội. Vì vậy, cần phải bổ sung để bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời, nhất là trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động bất thường, khó phán đoán, cạnh tranh vũ trang, xung đột quân sự giữa các nước có chiều hướng ngày càng mở rộng, việc bổ sung quy định về thẩm quyền này là cần thiết để bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời.

+ Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự quy định “Chỉ cơ quan, người có thẩm quyền quy định trong Luật này mới được tiến hành hoạt động điều tra” mâu thuẫn Luật Tổ chức VKSND về việc Kiểm sát viên trực tiếp tiến hành điều tra.

+ Đối với Bộ luật Hình sự: Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự đang sử dụng nhiều quy định theo hướng liệt kê chương, điều, nhóm tội danh của Bộ luật Hình sự để phân định thẩm quyền giữa Cơ quan An ninh điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Cách làm này dễ dẫn đến chồng chéo khi Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung, tách, nhập, đổi tên hoặc bổ sung tội danh mới.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi)

Đã rà soát các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các văn kiện, khuyến nghị của các tổ chức quốc tế, như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966; Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người; Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Công ước của liên hợp quốc về chống tham nhũng; Công ước quốc tế về kiểm soát ma túy: Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1972; Công ước về các chất hướng thần năm 1971; và Công ước Liên hợp quốc năm 1988 về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần; Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng; Công ước về phòng, chống khủng bố...

Qua rà soát, các nội dung của dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) dự kiến được quy phạm hóa bảo đảm tính tương thích, thống nhất với các điều ước quốc tế, khắc phục các thiếu hụt kỹ thuật trong quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự hiện hành theo các khuyến nghị của tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Một số quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự hiện hành còn thiếu hụt kỹ thuật trong các Khuyến nghị của các tổ chức quốc tế, điển hình như:

+ Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Điều 2 yêu cầu các thành viên phải tôn trọng, bảo đảm các quyền được Công ước công nhận cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ, thẩm quyền tài phán của mình, không phân biệt đối xử, đồng thời phải ban hành pháp luật và biện pháp cần thiết để thực hiện các quyền đó.

+ Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người đặt ra nguyên tắc cốt lõi nhà nước phải đặt ra các biện pháp lập pháp, hành chính, tư pháp và biện pháp khác để ngăn ngừa tra tấn.

+ Công ước của liên hợp quốc về chống tham nhũng, Điều 36 Công ước yêu cầu mỗi quốc gia thành viên, phù với hệ thống pháp luật của mình bảo đảm có cơ quan hoặc người chuyên trách trong đấu tranh chống tham nhũng thông qua thực thi pháp luật, có sự độc lập cần thiết, được đào tạo và có nguồn lực phù hợp để thực hiện chức năng.

Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng, Điều 23 Công ước quy định cụ thể các quyền hạn, thủ tục tố tụng được áp dụng đối: tội phạm theo Công ước, tội phạm khác được thực hiện bằng hệ thống công nghệ thông tin, truyền thông và việc thu thập chứng cứ điện tử của bất kỳ tội phạm nào.

(Nội dung rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo).

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế liên quan đến nội dung của dự thảo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi)/.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- VPCP: BTCN; các PCN; các vụ: Nội chính, Pháp luật;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03(P2).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Lê Văn Tuyền

Phụ lục 1

CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG LIÊN QUAN ĐẾN

DỰ THẢO LUẬT TỔ CHỨC CƠ QUAN ĐIỀU TRA HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

1. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020;
2. Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị;
3. Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới;
4. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới;
5. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
6. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;
7. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
8. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;
9. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng;
10. Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia.
11. Quy định số 183-QĐ/TW ngày 18/9/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;
12. Quy định số 178- QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.
13. Kết luận số 132-KL/TW ngày 18/3/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 36-CT/TW ngày 16/8/2019 về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy;
14. Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ QH khóa XVI;
15. Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật VN đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

16. Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy;

17. Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 30/11/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giám định tư pháp và định giá tài sản;

18. Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thành pháp luật của Nhà nước;

Phụ lục 2**CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN
DỰ THẢO LUẬT TỔ CHỨC CƠ QUAN ĐIỀU TRA HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)**

1. Bộ luật Tố tụng hình sự;
2. Luật Công an nhân dân;
3. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;
4. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;
5. Luật Thi hành án hình sự;
6. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;
7. Luật Nghĩa vụ quân sự;
8. Luật Xử lý vi phạm hành chính;
9. Luật Tố tụng hành chính;
10. Luật Luật sư;
11. Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;
12. Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;
13. Luật Cảnh sát biển;
14. Luật Biên phòng Việt Nam;
15. Luật Biển Việt Nam;
16. Luật Hải quan;
17. Luật Bảo vệ môi trường;
18. Luật Lâm nghiệp;
19. Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước;
20. Luật An ninh mạng;
21. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;
22. Luật Tư pháp người chưa thành niên;
23. Luật Phòng, chống mua bán người;
24. Luật Phòng, chống khủng bố;
25. Luật Phòng, chống ma túy;
26. Luật Phòng, chống rửa tiền;
27. Luật Phòng, chống tham nhũng;
28. Luật Thuế thu nhập cá nhân;
29. Luật Dữ liệu;
30. Luật Giao dịch điện tử;
31. Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;
32. Luật Công chức;
33. Luật Tiếp cận thông tin;
34. Luật Dẫn độ;

35. Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;
36. Luật Tương trợ tư pháp về hình sự;
37. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
38. Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;
39. Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Phụ lục 3**CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ****I. Các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên**

1. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966;
2. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966;
3. Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc;
4. Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979;
5. Công ước liên hợp quốc về quyền trẻ em;
6. Công ước của liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia;
7. Công ước của liên hợp quốc về chống tham nhũng;
8. Công ước quốc tế về trấn áp hành vi tài trợ cho khủng bố năm 1999;
9. Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân;
10. Công ước về bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân năm 1979;
11. Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng năm 1948;
12. Công ước không áp dụng thời hiệu đối với tội phạm chiến tranh và tội phạm chống loài người;
13. Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người;
14. Công ước luật biển năm 1982;
15. Công ước chống bắt cóc con tin;
16. Công ước quốc tế về trấn áp khủng bố bằng bom năm 1997;
17. Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006;
18. Nghị định thư về việc ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của liên hợp quốc;
19. Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng;
20. Công ước quốc tế về lao động cưỡng bức năm 1930;
21. Công ước quốc tế về xóa bỏ lao động cưỡng bức năm 1957;
22. Công ước Thống nhất về các chất ma túy năm 1961;
23. Công ước quốc tế về các hành vi phạm tội và một số hành vi khác thực hiện trên tàu bay năm 1963;
24. Công ước quốc tế nhằm ngăn chặn việc chiếm giữ bất hợp pháp tàu bay năm 1970;
25. Công ước quốc tế về chất hướng thần năm 1971;
26. Công ước quốc tế về ngăn chặn các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hoạt động hàng không dân dụng năm 1971;
27. Nghị định thư bổ sung cho Công ước ngăn chặn các hành vi bất hợp pháp chống lại sự an toàn của hàng không dân dụng;

28. Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học năm 1993;

29. Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng vũ khí sinh học và độc tố năm 1972;

30. Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) năm 1973;

31. Công ước quốc tế về trấn áp các hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn hành trình hàng hải năm 1988;

32. Công ước quốc tế về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988;

33. Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng năm 1989;

34. Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ năm 1994;

35. Công ước quốc tế về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất năm 1999;

36. Hiệp định hợp tác khu vực về chống cướp biển và cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền tại châu Á;

37. Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP);

38. Nghị định thư chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, bổ sung Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000;

39. Nghị định thư không bắt buộc của Công ước quyền trẻ em về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em năm 2000;

40. Nghị định thư không bắt buộc của Công ước quyền trẻ em về trẻ em trong xung đột vũ trang năm 2000;

41. Nghị định thư về cấm sử dụng trong chiến tranh các loại hơi độc, hơi ngạt hoặc các loại tương tự khác, các phương tiện chiến tranh sinh học (năm 1925).

42. Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (năm 1968).

43. Hiệp ước cấm đặt vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác dưới đáy biển, đáy đại dương và thềm lục địa (năm 1971).

44. Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng vũ khí sinh học và độc tố (năm 1972).

45. Công ước về ngăn ngừa và trừng trị các tội phạm chống lại những người được bảo hộ quốc tế, bao gồm viên chức ngoại giao (năm 1973).

46. Công ước về bảo vệ an toàn vật liệu hạt nhân (năm 1979).

47. Công ước cấm hoặc hạn chế sử dụng một số loại vũ khí có thể gây thương vong cao hoặc gây hậu quả bừa bãi (năm 1980).

48. Nghị định thư về trừng trị các hành vi bạo lực bất hợp pháp tại các cảng hàng không, phục vụ hàng không dân dụng quốc tế (năm 1988).

49. Nghị định thư về trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn của những công trình cố định trên thềm lục địa (năm 1988).

50. Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng vũ khí hóa học và tiêu hủy chúng (năm 1993).

51. Hiệp ước cấm thử hạt nhân toàn diện (năm 1996).

52. Công ước về việc trừng trị hành vi tài trợ khủng bố (năm 1999).

53. Nghị định thư về trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hành trình hàng hải (năm 2005);

54. Công ước ASEAN về chống khủng bố (năm 2007);

55. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ của WTO – TRIPS;

56. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP);

57. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA);

58. Hiệp định Thương mại Việt Nam Hoa Kỳ - BTA.

II. Văn kiện, khuyến nghị của các tổ chức quốc tế không phải là điều ước quốc tế

1. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948;

2. Khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) và Nhóm châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG);

3. Yêu cầu của Ủy ban châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU);

4. Khuyến nghị của Ủy ban Công ước chống tra tấn (UNCAT)

5. Cơ chế rà soát, kiểm điểm, định kỳ phổ quát của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (UPR);

6. Khuyến nghị Công ước ICCPR lần thứ 4 của Việt Nam (năm 2025),

7. Khuyến nghị Công ước Quyền trẻ em lần thứ 5 và lần thứ 6 của Việt Nam (năm 2022),

8. Khuyến nghị của Công ước Chống tra tấn, Công ước Chống tham nhũng;

9. Báo cáo đánh giá của Ủy ban chống tra tấn Liên hợp quốc về việc triển khai thực hiện Công ước chống tra tấn tại Việt Nam năm 2018;

10. Khuyến nghị của Ủy ban chống tra tấn Liên hợp quốc về Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt và đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục khác;

11. Khuyến nghị về Công ước quốc tế về xóa bỏ tất cả hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ./.

